

**BỘ NGOẠI GIAO**

Số: 113/2004/LPQT

*Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2004*

Thỏa thuận hợp tác kiểm tra, kiểm dịch và giám sát vệ sinh sản phẩm thực phẩm thủy sản xuất nhập khẩu giữa Bộ Thủy sản nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Tổng Cục Giám sát chất lượng, kiểm nghiệm và kiểm dịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có hiệu lực từ ngày 07 tháng 10 năm 2004./.

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO  
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

*Phó Vụ trưởng***Nguyễn Hoàng Anh**

Số: 73809

**THỎA THUẬN hợp tác kiểm tra, kiểm dịch và giám sát vệ sinh sản phẩm thực phẩm thủy sản xuất nhập khẩu giữa Bộ Thủy sản nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Tổng cục Giám sát chất lượng, kiểm nghiệm và kiểm dịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa**

Bộ Thủy sản nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Tổng cục Giám sát, Kiểm nghiệm và Kiểm dịch chất lượng, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (dưới đây được gọi là “hai bên”), mong muốn tăng cường mối quan hệ hợp tác song phương trong lĩnh vực kiểm tra, kiểm dịch và giám sát vệ sinh sản phẩm thực phẩm thủy sản xuất nhập khẩu giữa hai nước và thúc đẩy thương mại song phương các sản phẩm thủy sản, thông qua trao đổi và đàm phán hữu nghị, đã đạt được thỏa thuận như sau:

**Điều 1.**

1. Trong phạm vi chức năng của mỗi cơ quan, hai bên sẽ hỗ trợ và phát triển mối quan hệ hợp tác trong lĩnh vực kiểm tra và kiểm dịch, giám sát an toàn vệ sinh sản phẩm thực phẩm thủy sản xuất nhập khẩu giữa hai nước trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi, tuân thủ các luật lệ và quy định có liên quan của cả hai nước và luật pháp quốc tế.

2. Cơ quan đầu mối thực thi thỏa thuận của hai bên là: Cục Quản lý chất

lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản (NAFIQAVED) thuộc Bộ Thủy sản (MOFI), nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cục An toàn thực phẩm xuất nhập khẩu và Cục Quản lý Chứng nhận và Công nhận (CNCA) thuộc Tổng cục Giám sát chất lượng, Kiểm nghiệm và Kiểm dịch (AQSIQ), nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

**Điều 2.** Thỏa thuận này chỉ áp dụng đối với sản phẩm thủy sản xuất và nhập khẩu dùng làm thực phẩm cho người:

1. Có nguồn gốc từ thủy sản được đánh bắt tự nhiên hoặc nuôi trồng (không bao gồm các động vật thủy sản sống); và

2. Ở dạng nguyên liệu hoặc sản phẩm chế biến (sản phẩm thủy sản đã qua các công đoạn chế biến ban đầu như cắt khúc, xay, xử lý nhiệt, làm khô, nấu chín hoặc muối) không sử dụng phụ gia thực phẩm và các hóa chất bị cấm.

**Điều 3.** Hai bên sẽ hợp tác trong các lĩnh vực sau:

1. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu sang nước đối tác;

2. Trao đổi thông tin về việc xây dựng, rà soát và sửa đổi hệ thống văn bản pháp lý và các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến kiểm soát chất lượng, an toàn vệ sinh trong sản xuất và kiểm soát tại cửa khẩu đối với các sản phẩm thủy sản xuất, nhập khẩu;

3. Xây dựng và thực hiện thủ tục công nhận lẫn nhau về thanh tra, chứng nhận và đăng ký an toàn vệ sinh của các sản

phẩm thủy sản buôn bán giữa hai nước để tránh thanh tra và kiểm tra hai lần;

4. Tổ chức các chuyến khảo sát tới nước đối tác để tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin và kiến thức giữa các cán bộ, chuyên gia của hai bên trong lĩnh vực kiểm tra, kiểm dịch, giám sát an toàn vệ sinh các sản phẩm thủy sản xuất nhập khẩu;

5. Hợp tác và trao đổi kỹ thuật giám sát điều kiện an toàn vệ sinh và thú y đối với động vật và sản phẩm thủy sản;

6. Tăng cường trao đổi và hợp tác trong việc thực hiện các quy định của các Hiệp định WTO/TBT/SPS liên quan đến sản phẩm thủy sản xuất nhập khẩu giữa hai bên;

7. Hợp tác trong các lĩnh vực khác.

**Điều 4.** Trong 5 năm tới (2004 - 2008), hai bên sẽ nỗ lực thực hiện các hoạt động hợp tác cụ thể sau:

1. Hàng quý cung cấp cho bên đối tác những thông tin mới nhất về các văn bản pháp luật và quy định liên quan đến kiểm soát an toàn vệ sinh trong toàn bộ quá trình sản xuất thủy sản (từ khâu khai thác/nuôi trồng, bảo quản nguyên liệu, chế biến, làm lạnh, lưu kho sản phẩm cuối cùng, vận chuyển, phân phối/xuất khẩu...), và kiểm soát an toàn vệ sinh, kiểm tra và kiểm dịch sản phẩm thủy sản xuất nhập khẩu giữa hai nước; trao đổi số liệu thống kê hàng năm về khối lượng, chất lượng và tình trạng vệ sinh của sản phẩm thủy sản xuất nhập khẩu giữa 2 nước vào đầu tháng 3 năm sau;

2. Những sửa đổi, bổ sung của hệ thống pháp luật và tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến việc kiểm soát tại cửa khẩu các sản phẩm thủy sản xuất nhập khẩu phải được thông báo ngay tới phía đối tác bằng những phương tiện thông tin khẩn như fax hoặc email;

3. Theo yêu cầu đăng ký an toàn vệ sinh của nước nhập khẩu, cần thông báo nhanh cho phía đối tác thông tin chi tiết đã cập nhật (tên, địa chỉ, mã số) của các doanh nghiệp chế biến thủy sản được phép xuất khẩu thủy sản vào nước đối tác và thông tin ngay cho bên đối tác chi tiết các sản phẩm không phù hợp với quy định kiểm tra chất lượng và an toàn vệ sinh, bao gồm tên, địa chỉ, mã số;

4. Đảm bảo rằng mỗi lô hàng thủy sản xuất khẩu sang nước đối tác phải xuất xứ từ các doanh nghiệp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh trong sản xuất thủy sản; Cơ quan có thẩm quyền của hai bên phải giám sát thường xuyên các doanh nghiệp chế biến thủy sản đã đăng ký xuất khẩu sản phẩm của họ vào nước đối tác để đảm bảo sự tuân thủ hoàn toàn các quy định và yêu cầu vệ sinh tương ứng;

5. Đảm bảo mỗi lô hàng thủy sản xuất khẩu sang nước đối tác phải kèm theo chứng thư do Cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp, chứng nhận rằng lô hàng thỏa mãn các quy định của nước nhập khẩu về chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản; nội dung chứng thư phải phù hợp với yêu cầu của phía đối tác;

6. Khi cần thiết, thông qua đàm phán, hai bên tổ chức các đoàn thanh tra điều kiện an toàn vệ sinh tại các doanh nghiệp chế biến thủy sản đã đăng ký xuất khẩu sản phẩm của họ vào nước đối tác để đảm bảo sự tuân thủ hoàn toàn các quy định về chất lượng, an toàn vệ sinh thủy sản tương ứng, và để cùng trao đổi kinh nghiệm kiểm tra điều kiện sản xuất;

7. Trao đổi kết quả Chương trình kiểm soát dư lượng các chất độc hại trong sản phẩm thủy sản của năm trước và Chương trình kiểm soát dư lượng của năm hiện hành vào đầu tháng 3 hàng năm; Hợp tác và trao đổi kinh nghiệm trong việc kiểm soát các chất độc hại đối với động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi thông qua việc biên soạn và áp dụng Quy phạm thực hành nuôi tốt (GAP), kiểm soát và công nhận vùng nuôi thủy sản đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh;

8. Xây dựng và đưa vào hoạt động Hệ thống cảnh báo nhanh đối với các sản phẩm thủy sản xuất nhập khẩu giữa hai nước để cung cấp nhanh chóng những thông tin liên quan đến việc cảnh báo hoặc tạm giữ các lô hàng thủy sản vi phạm quy định về chất lượng an toàn vệ sinh, kể cả những thông tin có liên quan từ nước thứ ba;

9. Định kỳ, lần lượt cử các chuyên gia trong lĩnh vực kiểm soát dư lượng sang nước đối tác để trao đổi kiến thức và kinh nghiệm; các nhóm kiểm nghiệm viên sang nước đối tác để trao đổi kiến thức

chuyên môn và kinh nghiệm trong việc lấy mẫu và kiểm nghiệm các sản phẩm thủy sản;

10. Tổ chức nhóm công tác tới nước đối tác để đánh giá năng lực phòng kiểm nghiệm trong việc kiểm tra các chỉ tiêu an toàn vệ sinh sản phẩm thủy sản theo luật pháp của hai nước và các tiêu chuẩn của Ủy ban Codex (CAC), và việc sử dụng những đánh giá này để xem xét việc miễn kiểm tra các sản phẩm thủy sản nhập khẩu đã được các phòng kiểm nghiệm này kiểm tra và cấp chứng thư; Tổ chức chương trình kiểm nghiệm thành thạo để đánh giá năng lực tương đương của các phòng kiểm nghiệm của hai bên;

11. Phối hợp tổ chức các chuyến công tác khảo sát sang nước đối tác, có sự tham gia của các cán bộ và/hoặc chuyên gia để trao đổi kiến thức và kinh nghiệm trong việc quản lý và đàm phán kỹ thuật; Trao đổi để giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong kiểm tra và kiểm dịch sản phẩm thủy sản xuất nhập khẩu giữa hai nước;

12. Các hoạt động hợp tác của hai bên sẽ phải phù hợp với nguyên tắc của các Hiệp định WTO/SPS/TBT phải đảm bảo các biện pháp kiểm soát an toàn vệ sinh sẽ có ảnh hưởng ít nhất đến thương mại.

**Điều 5.** Thông tin có liên quan do bên đối tác cung cấp không được tiết lộ cho bên thứ ba khi không được sự cho phép của đối tác. Hai bên sẽ cử 1 - 2 chuyên viên làm đầu mối liên hệ, thông báo cho

nhau những cách thức liên hệ thuận tiện như điện thoại, fax và địa chỉ email để đảm bảo có thể chuyển nhanh các thông tin liên quan.

**Điều 6.** Bên cử cán bộ và/hoặc chuyên gia sang nước đối tác sẽ chịu toàn bộ chi phí đi lại quốc tế, ăn ở có liên quan. Bên đón tiếp sẽ cung cấp cho đoàn công tác những điều kiện cần thiết để thực hiện hoạt động hợp tác tại nước sở tại.

**Điều 7.** Thỏa thuận này không phương hại đến quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi bên được quy định tại những thỏa thuận hoặc hiệp ước đã ký kết với bất kỳ một nước thứ ba.

**Điều 8.** Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký và tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn đầu là 5 năm. Thỏa thuận này sẽ được mặc nhiên gia hạn trong từng thời hạn 5 năm tiếp theo trừ khi một trong hai bên thông báo cho bên kia bằng văn bản trước 6 tháng về ý định chấm dứt hiệu lực thỏa thuận này.

**Điều 9.** Khi Thỏa thuận này chấm dứt hiệu lực, chương trình hợp tác đang thực hiện nhưng chưa hoàn thành sẽ vẫn được tiếp tục cho tới khi hoàn thành.

**Điều 10.** Thỏa thuận này sẽ được sửa đổi hoặc bổ sung theo sự thỏa thuận của hai bên.

Làm tại Hà Nội, Việt Nam ngày 07 tháng 10 năm 2004, thành 2 bản gốc mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Trung và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau trong quá trình thực hiện thỏa thuận, bản tiếng Anh sẽ được sử dụng làm căn cứ./.

ĐẠI DIỆN BỘ THỦY SẢN (MOFI) NƯỚC  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

*Thứ trưởng Bộ Thủy sản*

**Nguyễn Thị Hồng Minh**

ĐẠI DIỆN  
TỔNG CỤC GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG, KIỂM  
NGHIỆM VÀ KIỂM DỊCH (AQSIQ) NƯỚC  
CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

*Phó Tổng cục trưởng*

**Cát Chí Vinh**

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 04.8233947; 08044417

Fax: 08044517

Email: congbaovpcp@yahoo.com

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng